

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Sông Hương và ông Hồ Trọng Trung;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ Ngày 11/4/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Lê Công B - Trưởng thôn Y, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nông Thị T bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 4 năm 2011 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, vợ chồng không còn tôn trọng nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, tính cách không thể hòa hợp được, vợ chồng nghi ngờ nhau, không tin tưởng trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn bản giải hòa nhiều lần, nhưng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 4/2020 vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng. Nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn T có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 08/3/2012. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Bảo L, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nông Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Nông Thị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T trình bày thống nhất với chị Nông Thị T về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn. Anh cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay, vì vậy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, nên anh nhất trí ly hôn với chị Nông Thị T.

Về con chung: Anh và chị Nông Thị T có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 08/3/2012. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa giải quyết giao cho chị Nông Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Bảo L cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Hoàng Văn T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh Hoàng Văn T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng xác nhận: Vợ chồng chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Từ đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, đánh nhau vợ chồng không còn tôn trọng nhau trong cuộc sống.

Đối với cháu Hoàng Bảo L: Biên bản ghi ý kiến nguyện vọng ngày 03/5/2024 tại Tòa án thể hiện nguyện vọng của cháu được ở với mẹ là Nông Thị T khi bố mẹ ly hôn, vì mẹ cháu yêu thương và quan tâm cháu nhiều hơn.

Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai: Xác nhận thu nhập của chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn T đều là lao động tự do, công việc trồng trọt,

chăn nuôi và làm thuê tại địa phương, có mức thu nhập bình quân của mỗi người từ 5.000.000đ đến 6.000.000đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn chị Nông Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nêu trên;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị Nông Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 08/3/2012, cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nông Thị T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989. Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nông Thị T, bị đơn anh Hoàng Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 4 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, vợ chồng không còn tôn trọng nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, vợ chồng nghi ngờ nhau, không tin tưởng trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn bản giải hòa nhiều lần, nhưng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 4/2020 vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn T đều nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu. Nên khi chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn thì anh Hoàng Văn T cũng nhất trí.

Như vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu đề nghị giải quyết xin được ly hôn của chị T là có căn cứ cần được chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn T đều xác nhận vợ chồng không ai có con riêng, anh chị có 01 người con chung là cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 08/3/2012. Quá trình giải quyết chị T và anh T đều đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Hoàng Bảo L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy chị T là lao động tự do tại địa phương, có thu nhập từ 5.000.000đ đến 6.000.000đồng/tháng, có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Đối với cháu Hoàng Bảo L cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật, cần giao cháu Hoàng Bảo L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chị Nông Thị T, bị đơn anh Hoàng Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị T:

1, Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2, Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 08/3/2012 cho chị Nông Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng Bảo L đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001460 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Nông Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa